TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27 /2023/DS - ST
Ngày: 07 – 4 - 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiến.

2. Ông Nguyễn Công Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2022/TLST - DS ngày 18/11/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐST - DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Triệu Thị Mỹ X, sinh năm 1968

Địa chỉ: 77/2, khu phố 2, phường 4, thành phố B, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Lê Thanh N, sinh năm 1990 (có mặt)

ĐKTT: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh L

Chỗ ở hiện nay: 77/2, khu phố 2, phường 4, thành phố B, tỉnh B

Bị đơn: Anh Hồ Văn N, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: 088, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2022 của nguyên đơn bà Triệu Thị Mỹ X, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà X là anh Lê Thanh N trình bày:*

Ngày 03/01/2022, anh Hồ Văn N có vay của bà X số tiền 100.000.000 đồng, việc giao nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản, vợ anh N (chị Châu Thị Huỳnh N – con ruột bà X) chuyển khoản cho anh N số tiền 100.000.000 đồng, chị N là người chuyển khoản nhưng tiền là của bà X. Lần cho vay tiền này có lập giấy mượn tiền đề ngày 03/01/2022, giấy mượn tiền này do chị N viết sẵn, sau đó anh N là người ký tên, ghi họ tên, mặc dù trong giấy mượn tiền không ghi thời hạn trả nhưng hai bên có thỏa thuận miệng là trong vòng 01 tháng sẽ trả, do thời gian mượn tiền ngắn nên không thỏa thuận về lãi suất, giấy mượn tiền đề ngày 03/01/2022 hiện bà X chỉ còn giữ bản photo, bản chính đã bị thất lạc nên không thể giao nộp bản chính cho Tòa án.

Ngày 25/01/2022, anh N tiếp tục hỏi vay 50.000.000 đồng nên chị N đã chuyển khoản cho anh N vay số tiền 50.000.000 đồng, chị N chuyển khoản nhưng tiền là của bà X cho anh N vay, anh N có nói khi nào bán được đất sẽ trả lại tiền, lần này hai bên thỏa thuận miệng lãi suất vay là 1,6%/tháng chung cho cả hai khoảng vay 100.000.000 đồng và 50.000.000 đồng, việc cho vay số tiền 50.000.000 đồng không lập biên nhận.

Trong tháng 5/2022, anh N có chuyển khoản cho anh N số tiền 20.000.000 đồng để trả tiền lãi cho hai khoảng vay 100.000.000 đồng và 50.000.000 đồng.

Tiếp đó, ngày 06/7/2022 anh N có vay thêm số tiền 120.000.000 đồng, việc giao nhận tiền là đưa tiền mặt, cộng với lần chuyển khoản ngày 25/01/2022 (không có làm biên nhận) số tiền 50.000.000 đồng là thành 170.000.000 đồng, ngày 06/7/2022 anh N tự viết biên bản nhận tiền và cam kết trả nợ số tiền 170.000.000 đồng trong vòng 01 tháng nhưng đến nay chưa trả. Anh N xác định số tiền 100.000.000 đồng và 50.000.000 đồng mà chị N chuyển khoản cho anh N đều là tiền của bà X nên vợ chồng anh N chị N không có liên quan gì đối với số tiền này.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà anh N chuyển khoản cho anh N trong tháng 5/2022 thì anh N đã đưa lại cho bà X rồi, bà X có ý kiến là số tiền 20.000.000 đồng này là tiền lãi chung của số tiền 270.000.000 đồng tính từ thời điểm anh N vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm nên bà X không yêu cầu tính lãi nữa. Nay bà X khởi kiện yêu cầu anh N trả cho bà X số tiền gốc 270.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần, không đồng ý cho trả dần. Trường hợp, anh N chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà X yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án tính từ ngày bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Hồ Văn N trình bày*:

Trong tháng 01/2022, anh có dự định làm kinh tế thêm nên anh có hỏi mượn

tiền của anh Lê Thanh N (bạn đồng nghiệp làm chung đơn vị với anh N trước đây), ngày 03/01/2022 sau khi anh hỏi mượn số tiền 100.000.000 đồng thì anh N và chị N (vợ anh N, con ruột của bà X) có đưa cho anh một tờ giấy tập học sinh, tờ giấy này chưa có ghi nội dung (giấy trắng), anh N và chị N chỉ vị trí (phía bên dưới góc phải của tờ giấy tập học sinh) kêu anh ký tên và viết họ tên vào tờ giấy tập học sinh này thì chị N sẽ chuyển khoản tiền cho anh mượn nên anh đã ký tên, sau đó anh đã nhận được số tiền 100.000.000 đồng từ chị N chuyển khoản ngày 03/01/2022.

Ngày 25/01/2022, anh tiếp tục hỏi mượn anh N 50.000.000 đồng thì chị N chuyển khoản cho anh mượn số tiền 50.000.000 đồng, không lập biên bản giao nhận tiền. Việc anh mượn số tiền 100.000.000 đồng và 50.000.000 đồng chỉ là mượn tạm một thời gian ngắn nên hai bên không có thỏa thuận gì về lãi suất.

Ngày 17/6/2022, anh có hứa trả cho anh N số tiền là 40.000.000 đồng nhưng không đủ tiền nên chỉ chuyển khoản trả cho anh N 20.000.000 đồng, nay anh có ý kiến là số tiền 20.00.000 đồng này là tiền anh trả lãi của hai khoảng vay 100.000.000 đồng và 50.000.000 đồng. Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với số tiền lãi 20.000.000 đồng này.

Do anh chưa có tiền để trả nợ như đã cam kết nên ngày 06/7/2022 chị N, anh N có yêu cầu anh qua nhà gặp nói chuyện trực tiếp thì chị N, anh N nói số tiền 150.000.000 đồng mà hai lần chị N chuyển khoản cho anh N đều là của bà X thì anh mới biết bà X là người cho anh mượn tiền, anh N yêu cầu anh viết giấy cam kết về thời gian trả nợ và số tiền phải trả tổng cộng chung là 170.000.000 đồng cho bà X nên anh đã viết biên bản nhận tiền và cam kết trả nợ trong vòng 01 tháng (từ ngày 06/7/2022 đến ngày 06/8/2022) anh sẽ trả đủ cho bà X số tiền 170.000.000 đồng.

Mặc dù việc cho mượn tiền không thỏa thuận về lãi suất nhưng do anh nợ tiền mà chưa có khả năng trả theo cam kết nên anh tự nguyện chịu tiền lãi là 40.000.000 đồng, đã trả lãi được 20.000.000 đồng nên còn nợ số tiền lãi là 20.000.000 đồng cộng với tiền vốn 150.000.000 đồng là thành 170.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong biên bản nhận tiền và cam kết trả nợ đề ngày 06/7/2022 anh không có ghi cụ thể số tiền 170.000.000 đồng là tiền của hai lần chuyển khoản 150.000.000 đồng vào ngày 03/01/2022 và ngày 25/01/2022 cộng với 20.000.000 đồng mà anh tự nguyện chịu thêm lãi.

Do số tiền nợ quá lớn mà việc làm ăn thì thất bại nên anh chưa trả cho bà X số tiền 170.000.000 đồng. Nay bà X khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền 270.000.000 đồng thì anh không đồng ý, bởi vì thực tế anh chỉ mượn số tiền 150.000.000 đồng cộng với 20.000.000 đồng tiền lãi anh tự nguyện trả thêm cho bà X là thành 170.000.000 đồng, tuy nhiên hiện do hoàn cảnh khó khăn nên anh xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng

cho đến khi hết số nợ 170.000.000 đồng. Anh đồng ý tiếp tục trả tiền lãi đối với số tiền 170.000.000 đồng cho bà X với mức lãi suất theo quy định của pháp luật sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua nghiên cứ hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nhận thấy trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 116, 463, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị Mỹ X buộc anh Hồ Văn N phải trả một lần cho bà X số tiền 270.000.000 đồng. Về án phí DSST: anh Hồ Văn N phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị Mỹ X yêu cầu bị đơn anh Hồ Văn N phải trả cho bà X số tiền 270.000.000 đồng. Trường hợp, anh N chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà X yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, anh N cho rằng: ngày 03/01/2022 bà X có cho anh N vay số tiền 100.000.000 đồng, ngày 25/01/2022 bà X có cho anh N vay số tiền 50.000.000 đồng, anh N cũng thừa nhận ngày 03/01/2022 có nhận chuyển khoản từ chị N (con bà X, vợ anh N) số tiền 100.000.000 đồng, ngày 25/01/2022 có nhận chuyển khoản từ chị N (con bà X, vợ anh N) số tiền 50.000.000 đồng. Đồng thời, anh N cũng đồng ý trả cho bà X số tiền 150.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với số tiền 170.000.000 đồng theo biên bản nhận tiền và cam kết trả nợ ngày 06/7/2022 thì anh N cho rằng ngày 06/7/2022 có đưa tiền mặt của bà X số tiền 120.000.000 đồng cho anh N vay, cộng với khoản vay 50.000.000 đồng vào ngày

25/01/2022 (không lập biên nhận) là thành 170.00.000 đồng. Anh N thì không thừa nhận là ngày 06/7/2022 có nhận số tiền mặt 120.00.000 đồng nhưng anh N thừa nhận biên bản nhận tiền và cam kết trả nợ ngày 06/7/2022 là do anh N tự viết, theo nội dung biên nhận thể hiện "Hôm nay ngày 06/7/2022 Tôi tên: Hồ Văn N ... Tôi có nhận của cô X số tiền là 170.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm bảy chục triệu) ... Trong vòng 1 tháng (từ ngày 06/7/2022 đến ngày 06/8/2022) tôi sẽ hoàn trả lại cô đủ số tiền tôi đã mượn là 170.000.000 đồng", anh N cho rằng ngày 06/7/2022 anh N không nhận tiền nhưng lại thừa nhận việc viết biên nhận nợ để nguyên đơn giữ, anh N cho rằng lý do anh viết biên nhận số tiền 170.000.000 đồng là vì thấy mình nợ tiền mà chưa có khả năng trả nên tự nguyện chịu tiền lãi là 40.000.000 đồng, đã trả lãi được 20.000.000 đồng nên còn nợ lại 20.000.000 đồng cộng tiền vốn 150.000.000 đồng là thành 170.000.000 đồng, tuy nhiên trong biên bản nhận tiền và cam kết trả nợ ngày 06/7/2022 không thể hiện nội dung mà anh N đã trình bày như trên, đồng thời anh N không xuất trình được giấy tờ chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà X là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự nên được HĐXX chấp nhận.

Xét việc anh N xin trả số tiền 170.000.000 đồng bằng hình thức trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ không được phía nguyên đơn đồng ý và xét yêu cầu này không phù hợp quy định pháp luật nên không được HĐXX chấp nhận.

[2] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của bà X được chấp nhận nên anh N có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị Mỹ X. Buộc anh Hồ Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Triệu Thị Mỹ X số tiền 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Hồ Văn N phải nộp án phí số tiền 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho bà Triệu Thị Mỹ X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 675.000đ (sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000248 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Lâm